

ÁP DỤNG QUAN HỆ NGỮ NGHĨA - TỪ VỰNG ĐỂ NÂNG CAO KHẢ NĂNG NHỚ TỪ CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH: MỘT NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

HOÀNG THU HUYỀN

Trường Đại học Mở Hà Nội

HOÀNG TUYẾT MINH

Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 08/5/2026. Sửa chữa xong 18/6/2026. Duyệt đăng 28/6/2026.

Abstract

Vocabulary retention is an essential part of foreign language learning, especially for non-English-major students who often struggle with daily vocabulary acquisition, which may hinder their ability to apply vocabulary across English language skills. This paper aims to improve vocabulary retention through the application of lexical-semantic relations among non-English-major students at Hanoi Open University. A mixed-methods approach was employed through pedagogical interventions with 60 business administration students. The findings indicate that applying lexical-semantic relations is an effective tool for helping students memorize vocabulary and build confidence in communication. The study is expected to contribute to improving teaching methods for both teachers and students, particularly non-English-major students at Hanoi Open University.

Keywords: Awareness, communication, lexical-semantic relations, non-English-major students, vocabulary retention.

1. Đặt vấn đề

Việc tiếp nhận từ vựng (vocabulary acquisition) là một nền tảng then chốt trong quá trình học ngôn ngữ, nó ảnh hưởng sâu sắc tới năng lực giao tiếp và trình độ ngôn ngữ tổng thể của người học (Nation, 2001). Tuy nhiên, nhiều sinh viên (SV) học Tiếng Anh như một ngoại ngữ, đặc biệt là SV không chuyên tiếng Anh, gặp nhiều khó khăn trong việc học và ghi nhớ từ vựng, điều này có thể cản trở khả năng nói tiếng Anh một cách trôi chảy và đạt kết quả tốt ở trường. Một trong những giải pháp giúp SV ghi nhớ được từ vựng hơn là cách sử dụng quan hệ ngữ nghĩa- từ vựng (lexicalsemantic relations) (Sotoudehnama and Soleimanifard, 2013; Zahedi and Abdi, 2013; Bak, 2012). Việc tích hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng cung cấp cho người dạy một kho công cụ sư phạm nhằm thúc đẩy việc xử lý từ vựng sâu hơn và tạo ra những trải nghiệm học từ có ý nghĩa cho người học. Thông qua cách dạy một cách có hệ thống và củng cố các liên kết giữa các từ dựa trên quan hệ ngữ nghĩa, người dạy có thể hỗ trợ tiến trình tiếp nhận từ vựng của người học và thúc đẩy sự phát triển của một mảng từ vựng vững chắc và liên kết chặt chẽ (Nation, 2013).

Ở Việt Nam, một số công trình nghiên cứu cũng đã tiến hành cách sử dụng quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng và khảo sát quan điểm của người học về cách sử dụng từ đồng nghĩa và trái nghĩa (Phung and Nguyen, 2021; Tran and Dinh, 2022). Tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu đầy đủ các mối quan hệ nghĩa từ vựng theo quan điểm của Palmer (1976) ở cấp độ đại học. Trên thực tế, trong quá trình giảng dạy Tiếng Anh cho SV không chuyên tại Trường Đại học Mở Hà Nội, chúng tôi nhận thấy một số lượng lớn SV gặp khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng, điều này gây trở ngại cho SV trong việc học Tiếng Anh nói chung và trong giao tiếp khi sử dụng tiếng Anh nói riêng. Vì vậy, để cung cấp cho SV hiểu biết sâu sắc hơn về mối quan hệ ngữ nghĩa và ý nghĩa của từ và thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả ghi nhớ từ vựng thông qua việc áp dụng ngữ quan hệ nghĩa-từ vựng cho SV, nghiên cứu này thực hiện hai nhiệm vụ: 1) Nâng cao khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh thông qua những can thiệp sư phạm;

Email: thuhuyen.kt@hou.edu.vn

2) Khảo sát quan điểm của SV về việc sử dụng quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng trong việc ghi nhớ từ vựng, từ đó đưa ra những đề xuất cải thiện phương pháp giảng dạy của giảng viên (GV) và phương pháp học tập tiếng Anh cho SV tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu trong bài báo này là nghiên cứu hành động (action research). Được tiến hành theo một quy trình vòng nhằm điều tra có hệ thống hiệu quả của việc tích hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng để cải thiện việc sử dụng từ vựng và khả năng ghi nhớ dài hạn từ vựng của SV không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

2.2. Đối tượng tham gia

Người tham gia nghiên cứu này là 60 SV năm thứ nhất ngành Quản trị Kinh doanh, gồm 23 nam và 37 nữ đang học tại Khoa Kinh tế, Trường Đại học Mở Hà Nội, Việt Nam, được chia thành 2 lớp nơi mà người nghiên cứu đang trực tiếp giảng dạy. Có 7 SV được lựa chọn ngẫu nhiên từ 2 nhóm 60 SV, gồm 3 nam và 4 nữ, tham gia phỏng vấn, bày tỏ thái độ đối với việc áp dụng quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng vào việc học từ vựng trong thời gian 6 tuần áp dụng. Các em đều có ý thức học Tiếng Anh tốt. Trong giờ học Tiếng Anh, SV luôn sôi nổi, nhiệt tình tham gia các hoạt động giảng dạy Tiếng Anh của GV.

2.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng 4 công cụ để thu thập dữ liệu, bao gồm các bài kiểm tra trước (pretest) và sau can thiệp (post test) và bảng hỏi (survey questionnaires) và các câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc (semi-interview questions).

Phiếu phỏng vấn gồm 2 câu hỏi. Các cuộc phỏng vấn sẽ được tiến hành bởi 8 SV thu thập dữ liệu định tính với mục đích khám phá sâu hơn về nhận thức, hiểu biết và thách thức của người tham gia đến việc tiếp thu từ vựng và tác động của việc kết hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng.

Kế hoạch thu thập và phân tích dữ liệu để đánh giá hiệu quả của việc tích hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng vào giảng dạy từ vựng tiếng Anh như một ngoại ngữ. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS. Kết quả pretest và post test được tính trung bình và độ lệch chuẩn thể hiện giá trị trung tâm và sự biến động trong điểm số bài kiểm tra. Sau bài kiểm tra sơ bộ, kết quả của cá nhân được cung cấp cho người tham gia, nêu rõ những điểm mạnh và những nội dung cần cải thiện. Người tham gia cũng được khuyến khích suy ngẫm về trải nghiệm bài kiểm tra sơ bộ của họ, đưa ra những hiểu biết định tính về những điểm mạnh và thách thức đã nhận thấy.

Quy trình nghiên cứu và thu thập dữ liệu:

Giáo trình Pre - Intermediate New Headway (Liz and John Soars) đang áp dụng cho SV không chuyên tiếng Anh năm thứ nhất, gồm 12 Units, với thời lượng 5 tiết/tuần. Trong đó, thời lượng dạy từ vựng chiếm khoảng 30% trong mỗi Unit đan xen trong việc dạy các kỹ năng đọc, viết, nghe và nói.

Nghiên cứu hành động được thực hiện qua các giai đoạn sau: - *Giai đoạn xác định vấn đề nghiên cứu:* Nhận diện nhu cầu nâng cao việc tiếp nhận và ghi nhớ từ vựng của người học EFL. Quá trình nhận diện này được dựa trên việc tổng quan rộng rãi tài liệu liên quan, đánh giá nhu cầu và xem xét các lĩnh vực cụ thể cần cải thiện trong giảng dạy từ vựng tại bối cảnh giáo dục mục tiêu; - *Giai đoạn lên kế hoạch:* Dựa trên những kết quả khảo sát sơ bộ và kết quả bài thi pre-test, người nghiên cứu lên kế hoạch giảng dạy áp dụng sơ đồ quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng vào các phần dạy từ vựng của 6 Unit. Giai đoạn lập kế hoạch này bao gồm việc đặt ra các mục tiêu học tập rõ ràng, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp, thiết kế giáo án, soạn đề kiểm tra sau (posttest) để đo lường chính xác sự tiến bộ về từ vựng của SV; - *Giai đoạn can thiệp:* Người nghiên cứu có những tác động sư phạm và can thiệp được triển khai trong lớp học, áp dụng phương pháp giảng dạy từ vựng kết hợp các kiểu loại quan hệ ngữ nghĩa, từ vựng khác phù hợp với mục đích, yêu cầu ở trong mỗi kỹ năng cụ thể của các bài học từ Unit 1 - Unit 6. Trong suốt thời gian triển khai can thiệp, dữ liệu được thu thập có hệ thống để đánh giá tác động của các chiến lược giảng dạy lên việc sử dụng và ghi nhớ từ vựng của SV. Quá trình thu thập dữ liệu này bao gồm bài thi post test, thu thập

phản hồi từ bảng hỏi của SV, sau cùng là việc tiến hành phỏng vấn; - *Giai đoạn phản hồi và đánh giá*: Dựa trên các kết quả rút ra từ phân tích dữ liệu, nhà nghiên cứu tiến hành phản ánh phê phán để nhận diện điểm mạnh và điểm yếu của can thiệp. Quá trình phản ánh này bao gồm đánh giá hiệu quả của các chiến lược giảng dạy đã sử dụng, xác định các yếu tố ảnh hưởng và rút ra bài học cho thực hành tiếp theo.

2.4. Phân tích dữ liệu

2.4.1. Phân tích dữ liệu định lượng

Bài kiểm tra sau can thiệp này sẽ đánh giá những thay đổi trong việc học và ghi nhớ từ vựng sau can thiệp. Điểm số bài kiểm tra sau can thiệp sau đó sẽ được phân tích để đánh giá sự cải thiện và xác định hiệu quả của can thiệp, tương tự như cách tiếp cận được thực hiện trong giai đoạn kiểm tra trước can thiệp.

Thông kê mô tả đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá tác động tức thời của can thiệp đối với khả năng ghi nhớ từ vựng.

Kiểm định t-test mẫu ghép đôi phân tích xem liệu sự khác biệt quan sát được trong điểm số từ vựng có khả năng là do ngẫu nhiên hay chúng cho thấy sự cải thiện đáng kể do can thiệp giảng dạy mang lại. Phương pháp thống kê này cung cấp cơ sở vững chắc để đưa ra nhận định về sự thành công của chiến lược mới (Creswell, 2014).

2.4.2. Phân tích dữ liệu định tính

Phân tích chủ đề được sử dụng cho dữ liệu định tính thu được từ phỏng vấn nhóm tập trung. Phân tích chủ đề cho phép xem xét các chủ đề lặp đi, lặp lại liên quan đến kinh nghiệm và nhận thức của học sinh về các phương pháp giáo dục từ vựng. Sự kết hợp giữa các quy trình phân tích dữ liệu định lượng và định tính cung cấp một cái nhìn toàn diện về các vấn đề nghiên cứu, mang lại sự hiểu biết thấu đáo về cách tích hợp các liên kết ngữ nghĩa, từ vựng vào việc luyện tập từ vựng ảnh hưởng đến khả năng ghi nhớ từ vựng ngắn hạn và dài hạn cũng như nhận thức và trải nghiệm của SV.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết

3.1.1. Quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng

Khái niệm về ý nghĩa của từ, bao gồm các khía cạnh và chiều kích khác nhau của nội dung ngữ nghĩa liên quan đến các từ vựng, là nền tảng cho việc nghiên cứu ngữ nghĩa từ vựng (Cruse, 1986). Hiểu ý nghĩa của từ không chỉ bao gồm khía cạnh biểu thị, liên quan đến nghĩa đen của từ mà còn cả các chiều kích hàm ý, bao gồm các liên tưởng, cảm xúc và ngữ dụng mà từ ngữ gợi lên trong ngữ cảnh (Lyons, 1977). Trong số các mối quan hệ ngữ nghĩa chính được xem xét trong ngữ nghĩa học từ vựng là từ đồng nghĩa (synonyms), trong đó các từ có nghĩa tương tự hoặc giống hệt nhau (Miller, 1998); từ trái nghĩa (anonyms), mô tả mối quan hệ đối lập giữa các từ có nghĩa trái ngược nhau (Cruse, 1986); Hoán dụ là một chiến lược tu từ trong đó một từ hoặc cụm từ được thay thế cho một từ hay cụm từ khác dựa trên mối liên hệ gần gũi hoặc sự tương đồng về ý niệm (Cruse, 1986). Trong bài báo này chúng tôi xác định quan điểm làm việc về quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng theo khái niệm của Palmer (1976), áp dụng và xác định các thành tố là những đồng âm, đa nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa, từ hạ nghĩa và hoán dụ vào giảng dạy các từ vựng trong phạm vi nghiên cứu này.

3.1.2. Các phương pháp dạy - học từ vựng

Nhiều phương pháp và cách tiếp cận khác nhau đã được sử dụng trong giảng dạy ngôn ngữ để nâng cao khả năng sử dụng từ vựng của người học. Dạy từ vựng trực tiếp: Phương pháp này bao gồm việc dạy từ vựng một cách rõ ràng thông qua việc trình bày có hệ thống nghĩa, định nghĩa và ví dụ của từ (Nation, 2013). Giáo viên có thể sử dụng các kỹ thuật như danh sách từ, bản đồ ngữ nghĩa và thẻ từ để giới thiệu các từ vựng mới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiểu. Ngoài ra, dạy trực tiếp có thể kết hợp các chiến lược như phương pháp ghi nhớ, liên tưởng từ và mở rộng ngữ nghĩa để tăng cường khả năng ghi nhớ và hồi tưởng từ vựng. Chiến lược học từ vựng là các kỹ thuật nhận thức và siêu nhận thức: Ví dụ như đoán nghĩa từ từ ngữ cảnh, sử dụng thẻ từ hoặc thẻ flashcard để ghi nhớ, sử dụng sơ đồ từ hoặc mang ngữ

nghĩa để khám phá các liên kết từ và tham gia vào việc tự giám sát, suy ngẫm về việc sử dụng từ vựng. Ngoài ra, các hoạt động học có ngữ cảnh được thiết kế nhằm củng cố việc tiếp nhận từ vựng. Những hoạt động này tạo cơ hội cho người học gặp gỡ các mục từ mới trong các ngữ cảnh xác thực, chẳng hạn đọc bài khóa, đoạn hội thoại hoặc tài liệu nghe nhìn. Bằng cách lồng ghép việc dạy từ vựng vào những ngữ cảnh có ý nghĩa, người học dễ nắm bắt được các sắc thái sử dụng từ và phát triển năng lực ngôn ngữ. Hơn nữa, các nhiệm vụ học tập theo nhóm được tích hợp vào thiết kế giảng dạy để thúc đẩy sự tham gia tích cực và tương tác giữa các học viên. Người học tham gia vào các hoạt động nhóm, thảo luận và dự án hợp tác, buộc họ sử dụng và thực hành từ vựng mục tiêu theo những cách có ý nghĩa. Làm việc cùng nhau giúp người học chia sẻ ý tưởng, làm rõ khái niệm và củng cố hiểu biết về từ vựng thông qua tương tác xã hội. Cuối cùng, nghiên cứu tích hợp các công cụ và nguồn học tăng cường công nghệ vào các hoạt động giảng dạy để nâng cao hiệu quả dạy từ vựng. Tổng thể, các phương pháp dạy từ vựng trong nghiên cứu này được thiết kế theo hướng lấy người học làm trung tâm, giao tiếp và tương tác, tạo môi trường học nhập vai thuận lợi cho việc tiếp thu từ vựng và ghi nhớ lâu dài. Thông qua sự kết hợp các chiến lược giảng dạy sáng tạo và phương pháp sư phạm, nghiên cứu hướng tới trang bị cho người học EFL những kỹ năng từ vựng cần thiết để thành công trong quá trình học ngôn ngữ.

Phương pháp giảng dạy từ vựng trong nghiên cứu này được áp dụng trong giai đoạn can thiệp bao gồm sự kết hợp các phương pháp giảng dạy truyền thống như của Nation (2013) với việc giảng dạy từ vựng với ngữ cảnh cụ thể, lấy người học làm trung tâm nhằm nâng cao khả năng tiếp thu, giao tiếp và ghi nhớ từ vựng cho người học Tiếng Anh như một ngoại ngữ phù hợp với đối tượng là SV không chuyên Anh ở Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.2. Kết quả và thảo luận

3.2.1. Hiệu quả áp dụng ngữ nghĩa - từ vựng vào việc học và ghi nhớ từ vựng

Kết quả điểm số của SV trong bài kiểm tra trước và sau khóa học được phân tích số liệu đã chỉ ra như sau: Phần lớn SV, cụ thể là 45 trên 60 (chiếm 75%), cho thấy sự tiến bộ trong việc học từ vựng. Điều này cho biết tác động tích cực của phương pháp giảng dạy hoặc chương trình học tập được áp dụng. Ngược lại, một tỷ lệ đáng kể SV, gồm 11/60 (18,3%), không cho thấy bất kỳ sự cải thiện nào trong kết quả học từ vựng của họ. Một nhóm nhỏ hơn các SV, bao gồm 4/60 SV (chiếm 6,7%), duy trì được mức độ thành tích ổn định trong việc học từ vựng. Bảng dưới đây là một công cụ hữu ích để phân tích điểm số của SV thông qua so sánh kết quả giữa bài kiểm tra trước và sau khóa học.

Bảng thống kê kết quả học tập qua 2 bài kiểm tra

Cấp độ	Bài kiểm tra trước	60	6.1667	1.41321	.18245
	Bài kiểm tra sau	60	7.4333	1.21595	.15698

Điểm trung bình của bài kiểm tra sau (7,4333) cao hơn nhiều so với điểm trung bình của bài kiểm tra trước (6,1667). Những phát hiện này cho thấy phương pháp quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng hiệu quả hơn trong việc nâng cao kết quả học Tiếng Anh cho SV. Bài kiểm tra sau có độ lệch chuẩn giảm (1,21595) so với bài kiểm tra trước (1,41321). Kết quả nghiên cứu chỉ ra phương pháp quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng là một phương pháp ưu việt hơn trong giảng dạy Tiếng Anh.

3.2.2. Quan điểm của sinh viên về áp dụng quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng vào việc học và ghi nhớ từ vựng

Các cuộc phỏng vấn được tiến hành bằng cách trực tiếp tương tác với SV, 7 SV đã tham gia vào cuộc phỏng vấn.

Câu hỏi 1: Bạn nghĩ việc kết hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng có thể giúp bạn ghi nhớ và sử dụng từ vựng mới tốt hơn như thế nào theo thời gian?

Đa số (5/7 SV) bày tỏ quan điểm tích cực, cho thấy họ tin rằng phương pháp này có thể nâng cao khả năng ghi nhớ và sử dụng từ vựng mới theo thời gian. Tuy nhiên, một SV cho biết việc kết hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng không giúp nâng cao khả năng ghi nhớ và sử dụng từ mới theo thời gian. SV này cho biết điểm số của mình thấp hơn, do khó khăn trong việc thích nghi với phương pháp trên. Một SV giữ thái độ trung lập về vấn đề này, vì không biết liệu việc kết hợp các mối quan hệ ngữ

nghĩa - từ vựng có thể nâng cao khả năng ghi nhớ và sử dụng từ vựng mới theo thời gian hay không. Mặc dù đa số SV đánh giá phương pháp này một cách tích cực cho thấy sự cải thiện trong khả năng ghi nhớ và sử dụng từ vựng, một số khác lại gặp khó khăn trong việc thích nghi với phương pháp mới.

Câu hỏi 2: Theo kinh nghiệm của bạn, bạn đánh giá mức độ dễ dàng khi học từ vựng mới bằng phương pháp quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng so với các phương pháp truyền thống như thế nào?

Trong số 7 SV được phỏng vấn, 5 SV cho biết họ thấy việc học từ vựng mới bằng phương pháp quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng dễ hơn so với các phương pháp truyền thống. Một SV ban đầu cho thấy việc chuyển đổi từ phương pháp truyền thống sang phương pháp quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng khá khó khăn nhưng cuối cùng lại thấy dễ dàng và hiệu quả hơn. Một SV đưa ra phản hồi trung lập cho rằng mức độ dễ dàng trong việc học từ vựng mới có thể khác nhau tùy thuộc vào sở thích và phong cách. Nhìn chung, đa số SV được phỏng vấn đánh giá cao cách tiếp cận có cấu trúc và việc khám phá có hệ thống các mối quan hệ giữa các từ, điều này giúp họ hiểu và ghi nhớ từ vựng mới dễ dàng hơn hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu trước đây (Phung and Nguyen, 2021; Tran and Dinh, 2022). Việc kết hợp quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng vào việc dạy từ vựng có thể là một cách tiếp cận đầy hứa hẹn để nâng cao tính dễ dàng và hiệu quả của việc học từ vựng cho SV học Tiếng Anh như một ngoại ngữ.

4. Kết luận

Bài báo đã đi sâu vào những khía cạnh phức tạp của việc tích hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng vào giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) nhằm nâng cao khả năng sử dụng từ vựng và ghi nhớ lâu dài của SV. Nghiên cứu cho thấy việc tích hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng vào giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ được thiết lập, cung cấp những hiểu biết sâu sắc về các cơ chế nhận thức làm cơ sở cho việc tiếp thu và ghi nhớ từ vựng. Quy trình phân tích dữ liệu, thống kê mô tả và thống kê suy luận được sử dụng để phân tích dữ liệu định lượng, cung cấp bằng chứng số liệu về sự thay đổi trong khả năng sử dụng từ vựng. Những hạn chế về quy mô và thành phần mẫu, sự đa dạng về nhân khẩu học như tuổi tác, giới tính, nền tảng ngôn ngữ và kinh nghiệm học ngôn ngữ trước đó có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học ngôn ngữ. Mặc dù nghiên cứu này đóng góp về lợi ích tiềm năng của việc kết hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa từ vựng vào giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ, điều cần thiết là phải nhận ra và giải quyết những hạn chế của nó. Để giải quyết những hạn chế nêu trên, các nhà nghiên cứu có thể nâng cao tính hợp lệ và khả năng khái quát hóa của các phát hiện, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về các chiến lược hiệu quả để giảng dạy từ vựng trong bối cảnh tiếng Anh như một ngoại ngữ. Có thể nói, bài viết đóng góp đáng kể cho lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ bằng cách làm sáng tỏ tiềm năng của việc kết hợp các mối quan hệ ngữ nghĩa - từ vựng, phần nào đó gợi mở cho GV và SV trong việc dạy - học Tiếng Anh để nâng cao việc học từ vựng cho SV học Tiếng Anh như một ngoại ngữ.

Tài liệu tham khảo

- Bak, S., (2012). *The effects of Semantic Relatedness on EFL Vocabulary Recall and Retention*. *English Teaching*, 67(3), 281.
- Creswell, J. W. (2014). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches*, 4th edition, Sage Publications, pp. 102-119.
- Cruse, D. A. (1986). *Lexical semantics*. Cambridge University Press, pp0. 38-50.
- Miller, G. A. (1998). WordNet: An electronic lexical database. *Communications of the ACM*, 38(11), 39-41.
- Liz and John Soars (2012). *Pre - Intermediate New Headway*, 4th edition. Oxford University Press.
- Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge University Press, pp. 59-82.
- Nation, I. S. P. (2013). *Learning vocabulary in another language* (2nd ed.). Cambridge University Press, pp. 93-100.
- Sotoudehnama and Soleimanifard (2013). The Effect of Teaching Vocabulary through Synonymous and Symantically unrelated Hyponym sets on EFL learners's retention. *Issues in Language Teaching (ILT)*, (2), 27-55.
- Palmer (1976). *Semantic*. Cambridge University press, pp. 46- 55.
- Phung, T.H. & Nguyen, T.D. (2021). High school students' Altitudes towards the Use of a Synonym and Antonym Dictionary in Learning Vocabulary. *TNU Journal of Science and Technology*, 226 (13), 109-117.
- Tran, T.Y & Dinh, T.H (2022). Improve Writing Performance for EFL Learners with the Enhanced Use of Synonyms and Antonyms. *International Journal of Social Science And Human Research*, 5 (6), 2037-2042.
- Zahedi and Abdi (2013). The impact of Imagery Strategy on EFL learner's vocabulary. *Journal Procedia - Social and Behavioral Sciences*, (69), 2273-2280.